

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 634/2024/HC-PT

Ngày 25/6/2024

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong quản lý Nhà
nước về đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán:

Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đ, xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1138/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2023, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 51/2023/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1933/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1954; cư trú tại: 34/5 Ngô Tất T, P 8, thành phố Đà L; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H là luật sư của Văn phòng luật sư Thành Ph thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đ; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số 04 đường Trần Hưng Đ, P 3, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ.

Người đại diện hợp pháp người bị kiện: Ông Nguyễn Ngọc Ph, chức vụ: Phó chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền; có đơn xin vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Đà L.

Địa chỉ trụ sở: Số 05 đường Trần Nhân T, P 8, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quang T, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc Tr, chức vụ: Phó chủ tịch; có đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Bá T, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà L; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1959; cư trú tại: Tổ 89 An S, P 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc Nh, sinh năm 1963; cư trú tại: 146 đường Phù Đồng Thiên V, P 8, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1967; cư trú tại: 17 đường Trần Khánh D, P 8, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969; cư trú tại: 79 đường Nguyễn Công Tr, P8, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1971; cư trú tại: 79 đường Nguyễn Công Tr, P 8, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ 89 An S, P 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1984; cư trú tại: Tổ 89 An S, P 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh năm 1981; cư trú tại: 23/3/4 đường Thông Thiên H, P 2, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ, Chủ tịch UBND thành phố Đà L là người bị kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2022, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 17/3/2023 và bản tự khai của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc S trình bày:*

Quyền sử dụng đất diện tích 472,6m² (trên đất có nhà ở) thuộc một phần thửa 748, tờ bản đồ số 5, phường 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ có nguồn gốc do bố mẹ ông là Nguyễn Đ, Nguyễn Thị S sang nhượng của bà Nguyễn Thị B vào năm 1971. Ngày 25/12/2005 gia đình ông lập biên bản họp gia tộc về việc thỏa thuận phân chia đất sản

suất, biên bản họp có xác nhận của UBND P 2, thành phố Đà L ngày 28/12/2005 (Theo biên bản ông được phân chia 1.327m² đất theo hiện trạng sử dụng sản xuất từ trước đến nay). Ngày 07/10/2010, Ủy ban nhân dân thành phố Đà L ban hành quyết định số 3620/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất nói trên để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư số 5, P 4, thành phố Đà L, Quyết định 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 về việc phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 về việc phê duyệt bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của UBND thành phố Đà L.

Theo các quyết định nêu trên thì ông được tính toán bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 334.166.000 đồng, không được giải quyết chuyển đổi nghề nghiệp và không được bố trí tái định cư. Việc UBND thành phố Đà L ban hành các quyết định tính toán bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất cho ông với số tiền nói trên không phù hợp và việc không giải quyết chuyển đổi nghề nghiệp, không bố trí tái định cư cho ông là không đúng pháp luật, bởi vì;

- Diện tích đất nêu trên gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1971 cho đến nay nhưng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án lại tính toán giá bồi thường quá thấp không phù hợp;

- Không chấp nhận cho ông được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là trái quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 29, Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

- Về bố trí tái định cư: Diện tích đất của ông bị thu hồi là để giao cho Công Ty Hợp P xây dựng khu dân cư số 5, là dự án xây dựng có mục đích kinh doanh thu lợi nhuận. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 quy định “ *Ưu tiên tái định cư tại chỗ cho người bị thu hồi đất tại nơi có tái định cư, ưu tiên vị trí thuận lợi...hộ có vị trí thuận lợi tại nơi ở cũ..*”. Như vậy, việc cơ quan chức năng không bố trí tái định cư tại chỗ cho ông là không đúng pháp luật.

Mặt khác, khi đo đạc diện tích đất để thu hồi thì cơ quan chức năng đo thiếu của gia đình ông rất nhiều so với thực tế sử dụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của gia đình ông, vì vậy cho đến nay gia đình ông chưa đồng ý nhận tiền bồi thường và cũng chưa đồng ý bàn giao đất.

Khi ông có đơn khiếu nại thì Chủ tịch UBND thành phố Đà L ban hành Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 không chấp nhận đơn khiếu nại của ông, ông tiếp tục khiếu nại quyết định trên thì Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 giữ nguyên quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2021. Cho rằng các quyết định nói trên là không có căn cứ, không phù hợp quy định của pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đ về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Ngọc S (lần hai);

- Hủy Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc S (lần đầu);

- Hủy quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân

thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ về việc thu hồi đất;

- Hủy một phần Quyết định 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 về việc phê duyệt phương án bồi thường của UBND thành phố Đà L;

- Hủy một phần Quyết định số 2559/QĐ UBND ngày 15/8/2011 về việc phê duyệt bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của UBND thành phố Đà L;

- Buộc Ủy ban nhân dân TP Đà L bồi thường giá đất phù hợp với thực tế, bồi thường đủ diện tích thực tế sử dụng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tái định cư theo quy định.

** Theo văn bản của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà L trình bày:*

1. Trình tự, thủ tục và cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà L về việc thu hồi đất:

Dự án Khu dân cư số 5, P 4, thành phố Đà L đã được UBND tỉnh Lâm Đ chấp thuận phạm vi ranh giới theo Văn bản số 2695/QĐ-UBND ngày 18/4/2008 “Về việc chấp thuận phạm vi, ranh giới đất dự án của Khu dân cư Số 5”.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà L tại Tờ trình số 868/TTr-TNMT ngày 28/9/2010. Ngày 07/10/2010, UBND thành phố Đà L đã ban hành Quyết định số 3620/QĐ-UBND “Về việc thu hồi tuyến đất của các hộ gia đình, cá nhân để xây dựng Khu dân cư số 5 P 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ”, trong đó, thu hồi của hộ ông Nguyễn Ngọc S 472,6m² đất nông nghiệp (trên đất có nhà ở).

2. Trình tự, thủ tục và cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 và Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để triển khai dự án khu dân cư số 5 (đợt 1) trên địa bàn P 4, thành phố Đà L:

Căn cứ Văn bản số 2695/QĐ-UBND ngày 18/4/2008 của UBND tỉnh Lâm Đ về việc chấp thuận phạm vi ranh giới đất dự án tái định cư khu dân cư số 5, P 4, thành phố Đà L. Căn cứ Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/10/2010 của UBND tỉnh Lâm Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đ.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà L tại Tờ trình số 1014/TTr-TNMT ngày 03/11/2010, ngày 10/11/2010, Ủy ban nhân dân thành phố Đà L ban hành Quyết định số 4227/QĐ-UBND V/v phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để triển khai dự án khu dân cư số 5 trên địa bàn P 4, thành phố Đà L và Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 V/v phê duyệt bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để triển khai dự án khu dân cư số 5 trên địa bàn p 4, thành phố Đà L, trong đó ông Nguyễn Ngọc S được phê duyệt với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 334.166.000 đồng; bao gồm, tiền bồi thường, hỗ trợ đối với 472,6m² đất nông nghiệp, tiền hỗ trợ 50% đơn giá đất ở đối với 472,6m² đất nông nghiệp thu hồi tiền bồi thường, hỗ trợ cây trồng, nhà ở và vật kiến trúc có trên đất thu hồi và các khoản hỗ trợ khác.

3. Trình tự, thủ tục và cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 4144/QĐ- UBND ngày 26/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà L về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc S (lần đầu):

Ngày 10/5/2021, UBND thành phố Đà L ban hành Thông báo số 237/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Ngọc Sanh, địa chỉ 351 Ngô Tất T, P 8, thành phố Đà L. Ngày 10/5/2021, UBND thành phố Đà L ban hành Quyết định số 1596/QĐ-UBND-KN về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn: Giao phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành xác minh làm rõ nội dung đơn của ông Nguyễn Ngọc S, ngụ tại 351 Ngô Tất T, P 8, thành phố Đà L. Ngày 03/8/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường có báo cáo số 846/BC- TNMT về kết quả xác minh đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc S, ngụ tại 351 Ngô Tất T, P 8, thành phố Đà L. Ngày 05/10/2021, UBND thành phố Đà L tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại với ông Nguyễn Ngọc Sanh, ngụ tại 34/5 Ngô Tất T, P 8, thành phố Đà L, Ngày 26/10/2021, UBND thành phố Đà L ban hành Quyết định số 4144/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc S: không chấp nhận đơn của ông Nguyễn Ngọc S khiếu nại yêu cầu được thỏa thuận giá bồi thường với chủ đầu tư, yêu cầu được giải quyết bố trí tái định cư tại chỗ; yêu cầu giải quyết chuyển đổi nghề hoặc bố trí đất để tái sản xuất do bị thu hồi đất tại dự án Khu dân cư số 5, P4, thành phố Đà L.

4. Quan điểm của UBND thành phố Đà L đối với việc ông Nguyễn Ngọc S khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định nêu trên và yêu cầu buộc UBND thành phố Đà L bồi thường giá đất phù hợp với thực tế, bồi thường đủ diện tích thực tế sử dụng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tái định cư:

Dự án khu dân cư số 5- An Sơn, P 4, thành phố Đà L là dự án quy hoạch khu dân cư (khu nhà ở số 5) theo Quyết định số 409/2002/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ và các vùng phụ cận đến năm 2020 và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phạm vi, ranh giới đất dự án của khu dân cư số 5 tại Văn bản số 2695/QĐ-UBND ngày 18/4/2008 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Việc Ủy ban nhân dân thành phố Đà L ban hành Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để triển khai dự án khu dân cư số 5 trên địa bàn P 4, thành phố Đà L, trong đó có ông Nguyễn Ngọc S là đúng theo quy định của pháp luật.

Hộ ông Nguyễn Ngọc S bị thu hồi 472,6m² đất nông nghiệp (nhỏ hơn 1.000m²) và tại thời điểm thu hồi đất ông Sanh đã được UBND thành phố Đà L cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở đối với diện tích 225,28m² đất tại địa chỉ 45C Đinh Tiên H, P 2, thành phố Đà L từ năm 2003 và diện tích 252m² đất tại địa chỉ số 34/5 Ngô Tất T, P 8, thành phố Đà L từ năm 2004 nên ông Sanh không đủ điều kiện để bố trí tái định cư theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 40 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Do trên địa bàn thành phố Đà L không có quỹ đất nông nghiệp để giao khi thu hồi đất nông nghiệp của các hộ dân (tái sản xuất) nên tại các Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để triển khai dự án Khu dân cư số 5, UBND thành phố Đà L đã bồi thường 472,6m² đất nông nghiệp của ông Nguyễn Ngọc S bằng 100% giá trị quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp nêu trên là đúng theo quy định theo khoản 2 Điều 5 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đ, được ban

hành kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh. Mặt khác, ông Nguyễn Ngọc S không thuộc trường hợp được xem xét, hỗ trợ theo quy định tại Điều 31 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh quy định về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở (UBND thành phố Đà L đã tính toán hỗ trợ 50% đơn giá đất ở đối với 472,6m² đất nông nghiệp thu hồi) nên ông Nguyễn Ngọc S không thuộc trường hợp được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo quy định tại Điều 32 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh.

Do đó, việc ông Nguyễn Ngọc S khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định nêu trên và yêu cầu buộc UBND thành phố Đà L bồi thường giá đất phù hợp với thực tế, bồi thường đủ diện tích thực tế sử dụng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tái định cư là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. UBND thành phố Đà L đề nghị Tòa án nhân Đ xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

** Theo văn bản của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ trình bày:*

1. Tóm tắt nội dung vụ việc:

Ông Nguyễn Ngọc S đề nghị được thỏa thuận bồi thường với chủ đầu tư; được bố trí tái định cư tại chỗ và giải quyết chuyển đổi nghề nghiệp hoặc bố trí đất để tái sản xuất khi nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án Khu dân cư số 5, P 4, thành phố Đà L. Khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc S đã được Chủ tịch UBND thành phố Đà L xem xét, giải quyết tại Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 với nội dung không chấp nhận khiếu nại. Không đồng ý, ông Nguyễn Ngọc S tiếp tục có đơn khiếu nại. Vụ việc đã được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét giải quyết tại Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Ngọc S với nội dung: “*Giữ nguyên Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà L về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Ngọc S*”.

2. Kết quả xác minh:

Ngày 18/4/2008, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2695/QĐ-UBND về việc chấp thuận phạm vi, ranh giới đất dự án Khu dân cư số 5, P 4, thành phố Đà L.

Ngày 15/7/2009, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1614/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Khu dân cư số 5, P 4, thành phố Đà L. Để triển khai thực hiện dự án, ngày 07/10/2010, UBND thành phố Đà L ban hành Quyết định số 3620/QĐ-UBND thu hồi của hộ ông Nguyễn Ngọc S diện tích 472,6m² đất nông nghiệp (trên đất có nhà ở), thuộc một phần thửa đất số 748, tờ bản đồ số 5, P 4, thành phố Đà L. Toàn bộ diện tích 472,6m² đất hiện ông Nguyễn Ngọc S đang có đơn khiếu nại có nguồn gốc do ông, bà Nguyễn Đ- Trần Thị S (là bố mẹ của ông Nguyễn Ngọc S) mua lại của bà Nguyễn Thị B từ năm 1971, sau đó tặng cho ông Nguyễn Ngọc S sử dụng theo Biên bản hợp gia tộc ngày 25/12/2005.

Về tính toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: UBND thành phố Đà L đã ban hành các quyết định (Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010; Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15/8/2011) về việc phê duyệt phương án tính toán bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án Khu dân cư số 5, P 4, thành phố Đà L.

Theo các quyết định nêu trên, hộ ông Nguyễn Ngọc S được tính toán bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 334.166.000 đồng (gồm: bồi thường đối với diện tích 472,6m² đất nông nghiệp; tính toán hỗ trợ 50% đơn giá đất ở đối với 472,6m² đất nông nghiệp liên kề và bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật kiến trúc có trên đất). Hộ ông Nguyễn Ngọc S không được bố trí tái định cư.

Qua kiểm tra cho thấy:

Theo Quyết định số 409/2002/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ và vùng phụ cận đến năm 2020 thì dự án Khu dân cư số 5- An S, P 4, thành phố Đà L là dự án quy hoạch khu dân cư (khu nhà ở số 5). Theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 09/11/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư số 5 thì dự án Khu dân cư số 5 có nhiều phân khu chức năng, trong đó khu vực đất của ông Nguyễn Ngọc S bị thu hồi được quy hoạch là Khu đất ở biệt thự kinh doanh (không phải là khu đất tái định cư), còn khu đất tái định cư để bố trí cho tất cả các hộ dân thuộc trường hợp tái định cư thì nằm ở vị trí khác của khu dân cư số 5.

Qua làm việc với Thanh tra tỉnh, ông Nguyễn Ngọc S cho biết: tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư số 5 thì ông Nguyễn Ngọc S có nhà trên đất bị thu hồi nhưng không ở tại căn nhà này mà ở tại nhà riêng tại địa chỉ số 34/5 Ngõ Tất T, P 8, thành phố Đà L, được UBND thành phố Đà L cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 420108588 ngày 17/9/2004 với diện tích đất ở là 252m². Mặt khác, ông Nguyễn Ngọc S cũng có nhà ở tại địa chỉ số 45C Định Tiên H, P 2, thành phố Đà L, được UBND thành phố Đà L cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 420102874 ngày 21/02/2003 với diện tích đất ở là 225,28m².

3. Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011; Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại; Căn cứ Luật Đất đai năm 2003; Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thi hành một số điều của Luật đất đai. Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

a) Việc ông Nguyễn Ngọc S, đề nghị được thỏa thuận bồi thường với chủ đầu tư là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì:

Dự án khu dân cư số 5- An S, P 4, thành phố Đà L là dự án quy hoạch khu dân cư (khu nhà ở số 5) theo Quyết định số 409/2002/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ và vùng phụ cận đến năm 2020 và được UBND tỉnh chấp thuận phạm vi, ranh giới đất dự án của k--hu dân cư số 5 tại Văn bản số 2695/UBND-ĐC ngày 18/4/2008 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Đất đai năm 2003;

điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Việc UBND thành phố Đà L ban hành Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 và Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để triển khai dự án Khu dân cư số 5, trong đó có ông Nguyễn Ngọc S là đúng theo quy định của pháp luật.

b) Việc ông Nguyễn Ngọc S, đề nghị được bố trí tái định cư tại chỗ là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì: Hộ ông Nguyễn Ngọc Sanh bị thu hồi 472,6m² đất nông nghiệp (nhỏ hơn 1.000m²) và tại thời điểm thu hồi đất, ông Sanh đã được UBND thành phố Đà L cấp Giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, đất ở đối với diện tích 225,28m² đất tại địa chỉ số 45C Đinh Tiên H, P 2, thành phố Đà L từ năm 2003 và diện tích 252m² đất tại địa chỉ số 34/5 Ngô Tất T, P 8, thành phố Đà L từ năm 2004 nên ông Sanh không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Việc ông Nguyễn Ngọc S, đề nghị giải quyết chuyển đổi nghề nghiệp hoặc bố trí đất để tái sản xuất khi nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án Khu dân cư số 5, P 4, thành phố Đà L là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì: Do trên địa bàn thành phố Đà L không có quỹ đất nông nghiệp để giao khi thu hồi đất nông nghiệp của các hộ dân (tái sản xuất) nên tại các Quyết định số 4227/QĐ- UBND ngày 10/11/2010 và số 2559/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để triển khai dự án Khu dân cư số 5, UBND thành phố Đà L đã bồi thường 472,6m² đất nông nghiệp của ông Nguyễn Ngọc S bằng 100% giá trị quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp nêu trên là đúng theo quy định theo khoản 2 Điều 5 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đ, được ban hành kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh. Mặt khác, do ông Nguyễn Ngọc S thuộc trường hợp được xem xét, hỗ trợ theo quy định tại Điều 31 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh quy định về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở (UBND thành phố Đà L đã tính toán hỗ trợ 50% đơn giá đất ở đối với diện tích 472,6m² đất nông nghiệp thu hồi) nên ông Nguyễn Ngọc Sanh không thuộc trường hợp được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo quy định tại Điều 32 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

4. Kiến nghị về việc giải quyết:

Từ nội dung vụ việc và các căn cứ pháp lý nêu trên, UBND tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S; giữ nguyên Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc S.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ch, ông Nguyễn Ngọc Nh, ông Nguyễn Ngọc Tr, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc Th, ông Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc Ch đều trình bày thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 51/2023/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; khoản 1, khoản 3 Điều 158; Điều 164; Điều 191; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S, về việc *“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai”*.

- Hủy Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Ngọc Sanh (lần hai);

- Hủy Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà L về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc S (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của UBND thành phố Đà L về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ngọc S;

- Hủy một phần Quyết định 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 về việc phê duyệt phương án bồi thường của UBND thành phố Đà L đối với ông Nguyễn Ngọc S;

- Hủy một phần Quyết định số 2559/QĐ UBND ngày 15/8/2011 về việc phê duyệt bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của UBND thành phố Đà L đối với ông Nguyễn Ngọc Sanh;

- Buộc UBND thành phố Đà L thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật về giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất cho ông Nguyễn Ngọc S.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/9/2023 và ngày 14/9/2023 Chủ tịch UBND thành phố Đà L và Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo, sửa án sơ thẩm, giữ nguyên các quyết định hành chính trên.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho Chủ tịch UBND thành phố Đà L và Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, giữ

nguyên các quyết định hành chính trên, vì lý do sau: Ông S cho rằng thu hồi đất của ông Sanh bị thiếu là không phù hợp, vì theo Biên bản họp gia tộc thì ông S sử dụng một phần thửa 78 (nay là thửa 503), diện tích 472,6m²; ông S cho rằng gia đình chia 1.327m² nhưng theo bản đồ đo đạc thể hiện có hai người sử dụng là ông S và ông Nh là anh em trong gia đình. Tại thời điểm thu hồi đất ông S chỉ sử dụng 472,6m² nên ông S cho rằng thu hồi còn thiếu là không phù hợp. Nội dung ông S cho rằng thu hồi đất, bồi thường cho anh em của ông Sanh còn thiếu cũng không có cơ sở, vì thửa 650 đứng tên ông T, sau đó ông T chuyển nhượng cho ông Lê Th, diện tích này nằm trong tổng diện tích họa đồ lô 51 của chế độ cũ thể hiện có tứ cận. Đo đạc năm 2018 thì thửa 650 thành thửa 465 nằm trong họa đồ chế độ cũ, tổng diện tích thu hồi trên 12.000m² nên ông S trình bày thu hồi đất của anh em ông Sanh còn thiếu là không phù hợp. Ông S cho rằng khi thu hồi đất UBND thành phố Đà L bồi thường, hỗ trợ chậm dự án thu hồi đất từ năm 2010 nhưng đến năm 2018 và năm 2022 mới triển khai thực hiện nhưng vẫn áp giá cũ để giải quyết là không phù hợp, vì UBND thành phố đã mời ông S đến làm thủ tục bồi thường hỗ trợ, do ông Sanh cho rằng thấp không phù hợp nên không thực hiện, không bàn giao mặt bằng; nên sau đó UBND thành phố Đà L tiếp tục chỉ đạo các cơ quan thực hiện tiếp và đất của ông Sanh bị thu hồi là đất nông nghiệp, UBND thành phố Đà L đã bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp, việc làm cho ông S đúng quy định và do đất bị thu hồi là đất nông nghiệp và ông Sanh có nhà đất ở ổn định, nên không giải quyết tái định cư là phù hợp. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên các quyết định hành chính trên.

Ông S và người bảo vệ quyền lợi cho ông S trình bày: Gia đình ông S không hợp tác là do thực hiện không đúng quy trình, tự áp giá không đúng quy định; từ khi thu hồi đất năm 2011 nhưng đến năm 2018 và năm 2022 mới triển khai thực hiện. Đối với thửa 650 diện tích 2.714m² ông T chuyển nhượng cho ông Lê Th không liên quan đến đất của gia tộc đã nhận chuyển nhượng của cụ B 12.000m². Diện tích đất của ông S bị thu hồi 472,6m², tổng diện tích chuyển nhượng của cụ B là 12.000m², hiện thu hồi của gia đình ông S 10.223,6m² còn thiếu 1.377m² (đường đi 836m², thửa 688 diện tích 193m² không thu hồi); thửa 650 UBND thành phố Đà L thừa nhận do ông T tự khai phá và chuyển nhượng cho ông Lê Th không liên quan đến diện tích đất của gia đình ông S; việc UBND thành phố Đà L cho rằng đã triển khai thực hiện từ năm 2011 là không có căn cứ, việc làm giấy mới để hợp thức trong hồ sơ, không có cơ sở giao giấy tờ cho anh em ông S, nay mới chuyển tiền vào kho bạc là mới thực hiện; kháng cáo của người bị kiện không có cơ sở, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng, các bên đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ và Chủ tịch UBND thành phố Đà L thì thấy: Dự

án khu dân cư số 5 thành phố Đà L được Chính phủ chấp thuận, UBND tỉnh Lâm Đ phê duyệt chi tiết, UBND thành phố Đà L ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng trình tự, thẩm quyền, đúng quy định. Do đó, ông S yêu cầu bồi thường theo thỏa thuận là không phù hợp; ông Sanh yêu cầu tái định cư là không có cơ sở, vì thu hồi đất của ông S là đất nông nghiệp, ông S có nhà đất khác; ông S yêu cầu hỗ trợ tái sản xuất không phù hợp vì không có quỹ đất nông nghiệp để tái sản xuất, nên bồi thường là đúng pháp luật, đồng thời hỗ trợ cho ông Sanh 50% giá đất ở/DT nông nghiệp bị thu hồi là có cơ sở. Bản án hành chính sơ thẩm chưa đủ căn cứ, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố Đà L và Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ đúng quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Xét Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của UBND thành phố Đà L về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Ngọc S:

[1.1]. Ông Nguyễn Ngọc S bị thu hồi diện tích 472,6m², loại đất màu, (trên đất có nhà ở), thuộc một phần thửa 748, tờ bản đồ số 5, P 4, thành phố Đà L; đất có nguồn gốc do bố mẹ là cụ Nguyễn Đức, cụ Nguyễn Thị S sang nhượng diện tích 12.000m² của cụ Nguyễn Thị B vào năm 1971.

[1.2]. Theo Biên bản làm việc ngày 23/12/2021 của đoàn kiểm tra Thanh tra tỉnh Lâm Đ tại UBND P 4, thành phố Đà L (BL: 169) thì căn cứ tờ bản đồ địa chính số 5 và Sổ mục kê lưu giữ tại P 4, được lập năm 1997, thể hiện:

Các thửa số 650, diện tích 2.376m² loại đất Rau (R); thửa số 651, diện tích 908m² loại đất trồng cây lâu năm (LN); thửa số 652, diện tích 828m², loại đất Thổ quả (TQ); thửa số 686, diện tích 397m² loại đất trồng cây lâu năm (LN); thửa số 688, diện tích 190m² loại đất trồng cây lâu năm (LN); thửa số 689, diện tích 769m², loại đất trồng cây lâu năm (LN), thể hiện chủ sử dụng đất là Nguyễn Ngọc T chồng của bà Lê Thị Ch. Thửa số 685, diện tích 3.311m² loại đất màu (ĐM); thửa số 748, diện tích 4.220m², loại đất màu (ĐM). Diện tích các thửa 651, 686, 688, 689 đứng tên ông Nguyễn Ngọc T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 352908 cấp ngày 22/11/1997. Diện tích thửa đất 685 đứng tên ông Nguyễn Ngọc T, bà Lê Thị Ch theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 260252 cấp ngày 16/7/2003. Tổng diện tích các thửa 650, 651, 652, 685, 686, 688, 689, 748 là 12.999m², phù hợp với lời khai của người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày và tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp thể hiện diện tích gia đình nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn Thị B 12.000m².

[1.3]. Theo Văn bản số 4460/UBND-NC ngày 11/7/2023 của UBND thành phố Đà L (BL: 274) thì thửa đất 748, có 05 hộ bị thu hồi gồm ông Nguyễn Ngọc

S, ông Nguyễn Ngọc Nh, ông Nguyễn Ngọc Tr, ông Nguyễn Ngọc Th, ông Nguyễn Ngọc T, tổng diện tích thu hồi là 4.536,6m²; thửa đất 685, một phần thửa 651, một phần thửa 689, có 04 hộ bị thu hồi gồm ông Nguyễn Ngọc T (Lê Thị Ch), ông Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc Ch, tổng diện tích thu hồi là 6.086,7m². Ngoài ra, thửa số 650, diện tích 2.376m² loại đất Rau (R), ông Nguyễn Ngọc T (Lê Thị Ch) đã chuyển nhượng cho ông Lê Th ngày 31/12/2008; tại Quyết định số 3613/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của UBND thành phố Đà L, đã thu hồi của ông Lê Th 2.714,1m², tại thửa 650, tờ bản đồ số 5. Như vậy, tổng diện tích đất thu hồi có nguồn gốc của cụ Nguyễn Đ, cụ Nguyễn Thị S là 13.337,4m² (4.536,6m² + 6.086,7m² + 2.714,1m²), lớn hơn diện tích đất 12.999m² hiện các con của cụ Nguyễn Đ, cụ Nguyễn Thị S quản lý, sử dụng.

[1.4]. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc S và người bảo vệ quyền lợi cho ông S đều trình bày thửa 650 (nay là thửa 465), có nguồn gốc do ông ông Nguyễn Ngọc T (Lê Thị Ch) tự khai phá đã chuyển nhượng cho ông Lê Th không liên quan đến diện tích đất của cụ Nguyễn Đ, cụ Nguyễn Thị S sang nhượng của cụ Nguyễn Thị B. Tuy nhiên, đối chiếu hồ sơ sang nhượng đất thì cụ Nguyễn Thị B sang nhượng đất cho cụ Nguyễn Đ, cụ Nguyễn Thị S 12.000m², tại lô 51; theo Sơ đồ lô đất số 51 của cụ Nguyễn Thị B lập từ chế độ cũ tứ cận đều giáp các lô 34, 60, 61, 50, 52 xung quanh không còn đất trống để khai hoang; theo bản đồ đo vẽ năm 1997 thì lô đất số 51, được đo vẽ thành các thửa 650, 650, 651, 652, 685, 686, 688, 689, 748 có diện tích 12.999m² phù hợp với tứ cận Sơ đồ lô đất số 51 cụ Nguyễn Thị B đã sang nhượng cho cụ Nguyễn Đ, cụ Nguyễn Thị S vào năm 1971. Do đó, ông Nguyễn Ngọc S cho rằng thửa 650 (nay là thửa 465) do ông T bà Ch khai phá, ngoài diện tích đất của cụ Nguyễn Đ, cụ Nguyễn Thị S sang nhượng và nay ông Nguyễn Ngọc S lại cho rằng diện tích thửa 650 cụ Nguyễn Thị B không sang nhượng là không có cơ sở.

[1.5]. Do đó, Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của UBND thành phố Đà L, thu hồi của hộ của ông Nguyễn Ngọc S, diện tích 472,6m² đất nông nghiệp là đúng, đủ diện tích ông Nguyễn Ngọc S đang quản lý, sử dụng. Về lối đi chung có diện tích 846,1m² đi vào phần đất của các hộ ông Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Ngọc Nh và Nguyễn Ngọc S, theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1995, Sổ mục kê đất thiết lập tháng 10/1997, tại tờ bản đồ số 5, P 4, thành phố Đà L là đường giao thông, đường thông hành địa dịch trên bản đồ địa chính, không có số thửa, không có diện tích, không có người kê khai, đăng ký nên UBND thành phố Đà L không thu hồi, bồi thường diện tích đất này là phù hợp.

[2]. Xét Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 và Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 của UBND thành phố Đà L về việc phê duyệt và phê duyệt bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ngọc S: Ngày 07/10/2010, UBND thành phố Đà L ban hành Quyết định thu hồi đất số 3620/QĐ-UBND và Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010, về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ngọc S là đúng thẩm quyền, đúng quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003 nay là điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013. Về nội dung quyết định, ông Nguyễn Ngọc S được phê duyệt với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 334.166.000 đồng; bao gồm tiền bồi thường, hỗ trợ đối với 472,6m² đất nông nghiệp,

tiền hỗ trợ 50% đơn giá đất ở, đối với 472,6m² đất nông nghiệp bị thu hồi, tiền bồi thường, hỗ trợ cây trồng, nhà ở và vật kiến trúc có trên đất và các khoản hỗ trợ khác là đúng quy định.

[3]. Về thời gian thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông Nguyễn Ngọc S:

Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của UBND thành phố Đà L về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ngọc S; Quyết định 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 về việc phê duyệt phương án bồi thường của UBND thành phố Đà L đối với ông Nguyễn Ngọc S; Quyết định số 2559/QĐ UBND ngày 15/8/2011 về việc phê duyệt bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của UBND thành phố Đà L đối với ông Nguyễn Ngọc S;

Theo trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện thì do không đồng ý với các quyết định trên nên ông Nguyễn Ngọc S không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất nên vụ việc bị kéo dài là phù hợp; được thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 10/10/2018 (lần 1) và ngày 17/4/2019 (lần 2) gia đình ông Nguyễn Ngọc S đều xác nhận chưa thống nhất diện tích đất thu hồi, giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên chưa nhận tiền, bàn giao mặt bằng (BL: 194 đến 198); ông Nguyễn Ngọc S đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Đà L giải quyết bằng Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2021; ông Nguyễn Ngọc Sanh không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố Đà L, nên ông Nguyễn Ngọc S tiếp tục khiếu nại và Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ giải quyết khiếu nại lần hai bằng Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 19/01/2022. Do ông Nguyễn Ngọc S không chịu nhận tiền đền bù, bàn giao mặt bằng nên UBND thành phố Đà L tiếp tục chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền làm việc với gia đình ông Nguyễn Ngọc S và khi ông Nguyễn Ngọc S không nhận tiền nên Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đ mới chuyển tiền của các hộ không nhận vào kho bạc Nhà nước cất giữ là phù hợp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào thời gian ban hành các văn bản chỉ đạo này của UBND thành phố Đà L để cho rằng UBND thành phố Đà L không triển khai bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là không có cơ sở.

[4]. Từ những tài liệu và phân tích trên, đối chiếu Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc S (lần đầu) và Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ, về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Ngọc S (lần hai) là đúng trình tự, thẩm quyền, đúng pháp luật.

[5]. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của người bảo vệ quyền và nghĩa vụ hợp pháp cho Chủ tịch UBND thành phố Đà L và Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Do đó, chấp nhận đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố Đà L và Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ, sửa bản án hành chính sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S, giữ nguyên các quyết định hành chính bị kiện; ông Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nhưng do người cao tuổi nên được

miễn; Chủ tịch UBND thành phố Đà L và Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Chấp nhận đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đ; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 51/2023/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đ như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 và khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 và khoản 3 Điều 158; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003 nay là điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S, về việc:

- Hủy Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đ về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Ngọc S (lần hai);

- Hủy Quyết định số 4144/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà L về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc S (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của UBND thành phố Đà L về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ngọc S;

- Hủy một phần Quyết định 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 về việc phê duyệt phương án bồi thường của UBND thành phố Đà L đối với ông Nguyễn Ngọc S;

- Hủy một phần Quyết định số 2559/QĐ UBND ngày 15/8/2011 về việc phê duyệt bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của UBND thành phố Đà L đối với ông Nguyễn Ngọc S;

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc S được miễn.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà L không phải chịu; hoàn trả Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đ 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014998 ngày 18/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đ; hoàn trả Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố Đà L 600.000 đồng theo Biên lai thu số 0014988 và 0014989 ngày 19/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đ.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đ;
- VKSND tỉnh Lâm Đ;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS - NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý